

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐƠN DƯƠNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **46/2024/DS-ST**

Ngày: 12-9-2024

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản và họ (huê)*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG - TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Luyện Thanh Sơn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Sinh**

2. Ông **Dư Công Thử**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Vũ Minh Tiến** - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông **Lê Minh Huy** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 73/2024/TLST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2024, về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và họ (huê)*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2024/QĐXXST- DS ngày 12 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2024/QĐST - DS ngày 30 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Trương Thị Ch**, sinh năm 1968;

Ông **Nguyễn Th**, sinh năm 1967;

Địa chỉ: thôn X, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. *Bị đơn:* Bà **Võ Thị C**, sinh năm 1977;

Địa chỉ: thôn B, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(*Bà Ch có mặt; ông Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bà C vắng mặt không có lý do*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Nguyễn Th, bà Trương Thị Ch trình bày:

Bà Võ Thị C làm cái 02 dây huê, bà Trương Thị Ch có tham gia chơi huê với bà Cúc như sau:

+ Dây thứ nhất: Áp cái ngày 20/02/2016 âm lịch (tức là ngày 28/3/2016 dương lịch), huê 10.000.000đ, gồm 26 phần chơi, sỏ đầu ngày 20/3/2016 âm lịch (tức là ngày 26/4/2016 dương lịch), bà Ch tham gia chơi 01 phần, bà C có lập danh sách huê giao cho bà Ch giữ. Quá trình chơi, bà C xỏ được 23 tháng thì ngưng huê. Bà Ch đã đóng cho bà C số tiền 190.000.000đ nhưng chưa hốt huê. Sau khi ngưng huê, bà C có xác nhận ở phía dưới danh sách huê bà Ch đã đóng 23 tháng với số tiền 190.000.000đ và xin trả dần đến năm 2023.

+ Dây thứ hai: Áp cái ngày 01/11/2016 âm lịch (tức là ngày 29/11/2016 dương lịch), huê 10.000.000đ, gồm 26 phần chơi, sỏ đầu ngày 01/12/2016 âm lịch (tức là ngày 29/12/2016 dương lịch), bà Ch tham gia chơi 01 phần, bà C có lập danh sách huê giao cho bà Ch giữ. Quá trình chơi, bà C xỏ được 15 tháng thì ngưng huê. Bà Ch đã đóng cho bà C số tiền 112.000.000đ nhưng chưa hốt huê. Sau khi ngưng huê, bà C có xác nhận ở phía dưới danh sách huê bà Ch đã đóng 15 tháng với số tiền 112.000.000đ và xin trả dần đến năm 2022.

Ngoài ra, ngày 06/12/2016, bà C có vay của vợ chồng bà Ch số tiền 200.000.000đ, khi vay có viết giấy mượn tiền giao cho bà Ch giữ, thời hạn vay là 03 tháng; ngày 06/01/2017, bà C tiếp tục vay số tiền 100.000.000đ và viết giấy xác nhận số tiền này vào giấy mượn tiền ngày 06/12/2016. Ngày 10/5/2018, bà C trả được 50.000.000đ, ngoài ra vợ chồng bà Ch có mua vật liệu xây dựng của bà C với số tiền 57.272.000đ. Bà C ghi số tiền đã trả là 50.000.000đ và 57.272.000đ tiền mua vật liệu xây dựng vào trong giấy mượn tiền ngày 06/12/2016 để tính trừ số tiền đã vay. Số tiền còn lại 192.728.000đ, bà C ký nhận nợ và hẹn trả dần đến năm 2022.

Tổng cộng bà C còn nợ vợ chồng bà Ch số tiền 494.728.000đ (trong đó 192.728.000đ tiền vay, 302.000.000đ tiền huê).

Vợ chồng bà Ch đã liên tục yêu cầu trả nợ nhưng bà C chỉ trả nhiều lần bằng tiền mặt và cân trừ tiền vợ chồng bà Ch mua vật liệu xây dựng tổng cộng là 40.000.000đ rồi không thực hiện nữa. Như vậy, số tiền bà C còn nợ vợ chồng bà Ch là 454.728.000đ. Nay vợ chồng bà Ch yêu cầu bà C có trách nhiệm trả số tiền 454.728.000đ (trong đó 192.728.000đ tiền vay, 262.000.000đ tiền huê) và xin rút lại số tiền 40.000.000đ so với yêu cầu khởi kiện ban đầu. Ngoài ra, không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn bà Võ Thị C đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Mặt khác, bà Trương Thị Ch có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Ch yêu cầu bị đơn bà C phải trả cho vợ chồng bà số tiền 454.728.000đ (trong đó 192.728.000đ tiền vay, 262.000.000đ tiền huê) và xin rút lại số tiền 40.000.000đ so với yêu cầu khởi kiện ban đầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Th, bà Trương Thị Ch về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và họ (huê)*” đối với bị đơn bà Võ Thị C.

Buộc bà Võ Thị C có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Th, bà Trương Thị Ch số tiền 454.728.000đ (*Bốn trăm năm mươi bốn triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn đồng*).

Về án phí: Buộc bà Võ Thị C phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Th, bà Ch khởi kiện yêu cầu bị đơn bà C phải trả 454.728.000đ, trong đó 192.728.000đ tiền nợ vay và 262.000.000đ tiền nợ huê. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định đây là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và họ (huê)*”. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại: thôn B, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về việc vắng mặt của đương sự:

Phiên tòa ngày 30 tháng 8 năm 2024, bị đơn bà C vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn bà C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Th, bà C theo thủ tục chung.

[1.3] Về nghĩa vụ giao nộp chứng cứ: Tại khoản 1 Điều 6 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định: “*Đương sự có quyền và nghĩa vụ chủ động thu thập, giao nộp chứng cứ cho Tòa án và chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp*”. Như vậy, việc cung cấp chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp thì thuộc trách nhiệm của đương sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả số tiền 454.728.000đ thì Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.2] Nguyên đơn bà Ch có tham gia chơi 02 dây huê do bị đơn bà C làm cái; dây thứ nhất, áp cái ngày 20/02/2016 âm lịch (tức là ngày 28/3/2016 dương lịch), huê 10.000.000đ, gồm 26 phần chơi, bà Ch tham gia chơi 01 phần. Quá trình chơi, bà C xô được 23 tháng thì ngưng và có xác nhận bà Ch đã đóng 23 tháng với số tiền 190.000.000đ vào danh sách huê, xin trả dần đến năm 2023; dây thứ hai, áp cái ngày 01/11/2016 âm lịch (tức là ngày 29/11/2016 dương lịch), huê 10.000.000đ, gồm 26 phần chơi, bà Ch tham gia chơi 01 phần. Bà C xô được 15 tháng thì ngưng và xác nhận bà Ch đã đóng 15 tháng với số tiền 112.000.000đ vào danh sách huê, xin trả dần đến năm 2022. Ngoài ra, ngày 06/12/2016 bà C vay của nguyên đơn số tiền 200.000.000đ với thời hạn là 03 tháng, khi vay có viết giấy mượn tiền, ngày 06/01/2017 vay 100.000.000đ và có viết giấy xác nhận số tiền này vào giấy mượn tiền ngày 06/12/2016. Ngày 10/5/2018, bà C trả được 50.000.000đ, ngoài ra vợ chồng bà Ch mua vật liệu xây dựng của bà C với số tiền 57.272.000đ. Bà C ghi số tiền đã trả là 50.000.000đ và 57.272.000đ tiền mua vật liệu xây dựng vào trong giấy mượn tiền ngày 06/12/2016 để tính trừ số tiền đã vay. Số tiền còn lại 192.728.000đ, bà C viết giấy nhận nợ và hẹn trả dần đến năm 2022. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện thì nguyên đơn giao nộp cho Tòa án bản chính danh sách những người góp vốn trả dần ngày 20/02/2016 âm lịch, ngày 01/11/2016 âm lịch và giấy mượn tiền ngày 06/12/2016 thể hiện nội dung bà C xác nhận bà Ch đã đóng 190.000.000đ của dây huê áp cái ngày 20/02/2016, 112.000.000đ của dây huê áp cái ngày 01/11/2016 và còn nợ 192.728.000đ tiền vay.

[2.3] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bị đơn bà C. Tuy nhiên, bị đơn vẫn không có mặt để thể hiện ý kiến cũng như không giao nộp tài liệu, chứng cứ nào liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.4] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết của bà C trong danh sách những người góp vốn trả dần ngày 20/02/2016 âm lịch, ngày 01/11/2016 âm lịch và giấy mượn tiền ngày 06/12/2016 với chữ ký, chữ viết trong biên bản lấy lời khai đương sự ngày 17/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương lập để giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, bị đơn bà Võ Thị C. Tại Kết luận giám định số 61/KL-KTHS (TA) ngày 05/8/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Lâm Đồng kết luận “Chữ ký, chữ viết ghi họ tên Võ Thị C trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2, A3 so với chữ ký, chữ viết ghi họ tên Võ Thị C trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M là do cùng một người ký và viết ra”.

[2.5] Như vậy, có căn cứ khẳng định bà C làm cái 02 dây huê, bà Ch tham gia chơi mỗi dây một phần và đã đóng số tiền 190.000.000đ của dây huê áp cái ngày

20/02/2016, 112.000.000đ của dây huê áp cái ngày 01/11/2016. Quá trình chơi thì bà C ngưng huê và bà Ch chưa hốt hai dây huê này. Ngoài ra, bà C có vay của nguyên đơn số tiền 300.000.000đ, đã trả 107.272.000đ thông qua việc trả bằng tiền mặt và cản trừ tiền nguyên đơn mua vật liệu xây dựng, số nợ vay còn lại là 192.728.000đ. Sau khi xác nhận nợ thì bà C xin trả dần đến năm 2022 của khoản nợ huê áp cái ngày 01/11/2016 và khoản nợ vay, trả dần đến năm 2023 của khoản nợ huê áp cái ngày 20/02/2016. Tuy nhiên, bà C chỉ trả bằng tiền mặt và tiền nguyên đơn mua vật liệu xây dựng cản trừ tổng cộng được 40.000.000đ. Số tiền còn nợ là 454.728.000đ (trong đó 192.728.000đ tiền vay, 262.000.000đ tiền huê) bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ trả tiền.

[2.6] Trong đơn khởi kiện ngày 03/5/2024, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả 494.728.000đ (trong đó 192.728.000đ tiền vay, 302.000.000đ tiền huê) còn nợ. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền 40.000.000đ. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền 40.000.000đ.

[2.7] Từ những phân tích, đánh giá, nhận định nêu trên. Căn cứ vào chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà C có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn ông Th, bà Ch số tiền 454.728.000đ (trong đó 192.728.000đ tiền vay, 262.000.000đ tiền huê) là phù hợp với quy định tại các Điều 280, 463, 466, 470, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về chi phí tố tụng: Chi phí giám định là 4.680.000đ. Do yêu cầu trưng cầu giám định của nguyên đơn là có căn cứ nên buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền này là phù hợp với quy định tại Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu 22.189.120đ tiền án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39 và các Điều 146, 147, 161, 207, 220, 227, 228, 244, 262, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 280, 463, 466, 470, 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự;
- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Th, bà Trương Thị Ch về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và họ (huê)*” đối với bị đơn bà Võ Thị C.

Buộc bà Võ Thị C có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Th, bà Trương Thị Ch số tiền 454.728.000đ (*Bốn trăm năm mươi bốn triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Th, bà Trương Thị Ch buộc bị đơn bà Võ Thị C phải trả số tiền 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*).

3. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Võ Thị C có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Th, bà Trương Thị Ch 4.680.000đ (*Bốn triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng*) tiền chi phí tố tụng.

4. Về án phí: Buộc bà Võ Thị C phải chịu 22.189.120đ (*Hai mươi hai triệu một trăm tám mươi chín nghìn một trăm hai mươi đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Th, bà Trương Thị Ch không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Nguyễn Th, bà Trương Thị Ch 11.895.000đ (*Mười một triệu tám trăm chín mươi lăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002508 ngày 17/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đơn Dương.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy

định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự .

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Đơn Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Luyện Thanh Sơn